

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

Số: 10 /2016/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Tây Ninh, ngày 08 tháng 04 năm 2016



QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về quản lý chất lượng và bảo trì
công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Tây Ninh**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Xây dựng năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 80/2005/QĐ-TTg ngày 18/4/2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế giám sát đầu tư của cộng đồng;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 638/TTr-SXD ngày 28/4/2016 về việc ban hành Quyết định thay thế Quyết định số 18/2015/QĐ-UBND ngày 09/4/2015 về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Tây Ninh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 18/2015/QĐ-UBND ngày 09/4/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

Điều 3. Giao Sở Xây dựng chủ trì phối hợp với các Sở: Công Thương, Giao thông Vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Tây Ninh hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện Quyết định này.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở, ngành: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Kho bạc Nhà nước tỉnh, Công Thương, Giao thông Vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Trưởng ban quản lý Khu kinh tế tỉnh; Chủ

tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Tây Ninh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và Thủ trưởng các sở, ngành có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Chính phủ;
- Vụ Pháp chế - Bộ Xây dựng;
- Cục KT VB-Bộ Tư pháp;
- Đoàn ĐBQH tỉnh TN;
- TTTU, TTHĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 4;
- Sở Tư pháp;
- TT Công báo tỉnh;
- Lưu: VT. VPUBND tỉnh.

30

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

K.T. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Mạnh Hùng

QUY ĐỊNH

**Về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng
trên địa bàn tỉnh Tây Ninh**

*(Ban hành theo Quyết định số/2016/QĐ-UBND
ngày .. tháng .. năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về phân cấp, phân công trách nhiệm, hướng dẫn triển khai thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng cho các chủ thể tham gia hoạt động xây dựng trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng với người quyết định đầu tư, chủ đầu tư, chủ sở hữu, người quản lý, sử dụng công trình, nhà thầu trong nước, nhà thầu nước ngoài, các cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến công tác quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

Điều 2. Nguyên tắc, mục tiêu quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng

1. Nguyên tắc

Quản lý nhà nước về chất lượng và bảo trì công trình xây dựng là đảm bảo sự kiểm soát của nhà nước đối với chất lượng công trình xây dựng ngay từ giai đoạn lập dự án đầu tư, khảo sát, thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, triển khai thi công, nghiệm thu bàn giao đưa công trình vào khai thác, sử dụng và bảo hành, bảo trì công trình suốt niên hạn công trình; kịp thời phát hiện các sai sót để ngăn ngừa hậu quả gây ra sự cố hoặc lãng phí, thất thoát trong đầu tư xây dựng công trình; góp phần nâng cao chất lượng kỹ, mỹ thuật và hiệu quả đầu tư xây dựng công trình; đảm bảo phù hợp với quy hoạch, kế hoạch phát triển trong từng thời kỳ.

2. Mục tiêu

Quy định về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng nhằm:

a) Nâng cao vai trò, trách nhiệm trong công tác quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng của các sở, ban, ngành, các cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng, Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh, UBND huyện, thành phố (gọi tắt là UBND cấp huyện),

UBND xã, phường, thị trấn (gọi tắt là UBND cấp xã) và các chủ thể khác tham gia hoạt động xây dựng;

b) Phân cấp quản lý và tăng cường sự phối hợp giữa Sở Xây dựng với các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành, Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh, UBND cấp huyện, UBND cấp xã và các chủ thể khác tham gia hoạt động xây dựng nhằm thống nhất quản lý, tránh chồng chéo hoặc bỏ sót đối tượng quản lý; kịp thời đề xuất với UBND tỉnh ban hành các chủ trương, chính sách, cơ chế quản lý nhà nước về chất lượng và bảo trì công trình xây dựng phù hợp với điều kiện thực tế của từng ban, ngành, địa phương và từng chủ thể tham gia xây dựng công trình.

Chương II

QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG

Điều 3. Trách nhiệm của Sở Xây dựng

1. Được phân công là cơ quan đầu mối giúp UBND tỉnh thống nhất quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh.

2. Thanh tra, kiểm tra hoạt động của các phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng (LAS-XD) trên địa bàn tỉnh; báo cáo kết quả kiểm tra, thanh tra, xử lý và kiến nghị xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật.

3. Báo cáo UBND tỉnh, Bộ Xây dựng danh sách các nhà thầu vi phạm quy định về quản lý chất lượng công trình trên địa bàn tỉnh.

4. Tiếp nhận thông tin, xử lý và kiến nghị xử lý các vi phạm về quản lý chất lượng công trình xây dựng dân dụng, hạ tầng kỹ thuật, công trình công nghiệp nhẹ, công nghiệp vật liệu xây dựng (nhà máy sản xuất xi măng và công trình sản xuất khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường theo quy định tại Khoản 1 Điều 64 Luật Khoáng sản năm 2010), công trình giao thông trong đô thị trừ công trình đường sắt, cầu vượt sông và đường quốc lộ.

5. Giúp UBND tỉnh tổ chức giám định chất lượng công trình xây dựng khi được yêu cầu và tổ chức giám định nguyên nhân đối với các sự cố cấp II, cấp III các công trình xây dựng dân dụng, hạ tầng kỹ thuật, công trình công nghiệp nhẹ, công nghiệp vật liệu xây dựng theo Khoản 4 Điều này, công trình giao thông trong đô thị trừ công trình đường sắt, cầu vượt sông và đường quốc lộ.

6. Chịu trách nhiệm là cơ quan đầu mối tổ chức đăng ký và tiếp nhận hồ sơ đăng ký tham dự giải thưởng công trình xây dựng có chất lượng cao của chủ đầu tư và nhà thầu thi công để chủ trì phối hợp với các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành thực hiện các nhiệm vụ sau:

a) Xem xét, giới thiệu, đề cử công trình xây dựng có chất lượng cao trên địa bàn tỉnh tham dự Giải thưởng công trình chất lượng cao do Bộ Xây dựng tổ chức;

b) Đề xuất, tham mưu giúp UBND tỉnh xem xét, giới thiệu, đề cử công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh tham dự Giải thưởng quốc gia về chất lượng công trình xây dựng.

7. Kiểm tra, hướng dẫn, xử lý vi phạm đối với các vấn đề liên quan đến công tác lập quy trình bảo trì công trình xây dựng.

8. Tiếp nhận, công bố thông tin; kiểm tra, quản lý thông tin năng lực hoạt động và năng lực hành nghề của các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh.

9. Tham mưu tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh và Bộ Xây dựng về tình hình chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn định kỳ trước ngày 15 tháng 12 hàng năm và đột xuất khi có yêu cầu.

Điều 4. Trách nhiệm của các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành

1. Các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành giúp UBND tỉnh quản lý chất lượng công trình xây dựng chuyên ngành theo lĩnh vực quy định tại Khoản 4 Điều 51 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng (gọi tắt là Nghị định số 46/2015/NĐ-CP).

2. Theo lĩnh vực được phân cấp, phân công tại Khoản 1 Điều này, các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành có trách nhiệm sau:

a) Soạn thảo và tham mưu cho UBND tỉnh ban hành các quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng chuyên ngành sau khi thống nhất với Sở Xây dựng;

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng kiểm tra thường xuyên, định kỳ theo kế hoạch và kiểm tra đột xuất công tác quản lý chất lượng của tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng công trình chuyên ngành và chất lượng các công trình xây dựng chuyên ngành trên địa bàn;

c) Phối hợp với Sở Xây dựng xem xét, giới thiệu, đề cử công trình xây dựng tham dự Giải thưởng công trình chất lượng cao. Phối hợp với Sở Xây dựng để giúp UBND tỉnh trong việc xem xét, giới thiệu, đề cử công trình xây dựng tham dự Giải thưởng quốc gia về chất lượng công trình xây dựng;

d) Tiếp nhận thông tin, xử lý và kiến nghị xử lý các vi phạm về quản lý chất lượng công trình xây dựng chuyên ngành; gửi tên và hành vi vi phạm của các tổ chức, cá nhân đến Sở Xây dựng để đơn vị này quản lý và tổng hợp, báo cáo theo quy định;

đ) Phối hợp với Sở Xây dựng tổ chức giám định công trình xây dựng chuyên ngành khi được yêu cầu và tổ chức giám định nguyên nhân đối với các sự cố cấp II, cấp III các công trình xây dựng chuyên ngành trên địa bàn tỉnh;

e) Phối hợp với Sở Xây dựng trong việc công bố thông tin, kiểm tra, quản lý thông tin năng lực hoạt động và năng lực hành nghề của các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng công trình chuyên ngành trên địa bàn tỉnh;

g) Tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh và Sở Xây dựng về tình hình chất lượng công trình xây dựng chuyên ngành trên địa bàn định kỳ trước ngày 10 tháng 12 hàng năm và đột xuất khi có yêu cầu.

Điều 5. Trách nhiệm của Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh

1. Chịu trách nhiệm thống nhất quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn do mình quản lý.

2. Kiểm tra định kỳ, đột xuất việc tuân thủ quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng đối với các công trình xây dựng được phân cấp cấp giấy phép xây dựng trong khu kinh tế và khu công nghiệp; lập và báo cáo kế hoạch kiểm tra thường xuyên, định kỳ công tác

quản lý chất lượng công trình và gửi kết quả kiểm tra, xử lý vi phạm của từng cuộc kiểm tra về Sở Xây dựng để theo dõi, tổng hợp.

3. Phối hợp với Sở Xây dựng, các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành hoặc các Bộ quản lý công trình chuyên ngành trong thanh tra, kiểm tra, giải quyết sự cố công trình, giám định chất lượng công trình và giám định nguyên nhân đối với các sự cố cấp II, cấp III các công trình xây dựng trên địa bàn do mình quản lý.

4. Phối hợp kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng đối với các công trình mà thẩm quyền thẩm định thiết kế thuộc Sở Xây dựng và các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành trong các khu công nghiệp, khu kinh tế do mình quản lý.

5. Phối hợp với Sở Xây dựng trong việc kiểm tra, đánh giá năng lực hoạt động và năng lực hành nghề của các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng trên địa bàn.

6. Tiếp nhận thông tin, xử lý và kiến nghị xử lý các vi phạm về quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn do mình quản lý; gửi tên và hành vi vi phạm của các tổ chức, cá nhân đến Sở Xây dựng để đơn vị này quản lý và tổng hợp, báo cáo theo quy định.

7. Tổng hợp, gửi báo cáo về Sở Xây dựng tình hình chất lượng và quản lý chất lượng các công trình xây dựng trên địa bàn do mình quản lý; thống kê, đánh giá tình hình chất lượng các công trình xây dựng thuộc thẩm quyền quản lý định kỳ hàng năm (trước ngày 10 tháng 12) và báo cáo đột xuất khi có yêu cầu.

Điều 6. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Chịu trách nhiệm thống nhất quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn do mình quản lý.

2. Phân công trách nhiệm quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng cho cơ quan chuyên môn về xây dựng trực thuộc (Phòng Kinh tế và Hạ tầng hoặc Phòng Quản lý đô thị), theo dõi, kiểm tra và kiến nghị xử lý các vấn đề có liên quan đến chất lượng công trình do UBND cấp huyện quyết định đầu tư.

3. Kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng đối với các công trình được phân cấp do mình tổ chức thẩm định thiết kế; phối hợp kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng đối với các công trình mà thẩm quyền thẩm định thiết kế thuộc Sở Xây dựng và các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành trên địa bàn do mình quản lý.

4. Phối hợp với Sở Xây dựng trong việc kiểm tra, đánh giá năng lực hoạt động và năng lực hành nghề của các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng trên địa bàn.

5. Tiếp nhận thông tin, xử lý và kiến nghị xử lý các vi phạm về quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn do mình quản lý; gửi tên và hành vi vi phạm của các tổ chức, cá nhân đến Sở Xây dựng để đơn vị này quản lý và tổng hợp, báo cáo theo quy định.

6. Phối hợp, tham gia với Sở Xây dựng và các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành kiểm tra chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn khi được yêu cầu.

7. Báo cáo sự cố và giải quyết sự cố công trình theo quy định pháp luật hiện hành.

8. Báo cáo UBND tỉnh và Sở Xây dựng về quản lý chất lượng công trình xây dựng và tình hình chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn định kỳ hàng năm (trước ngày 10 tháng 12) và đột xuất khi có yêu cầu.

Điều 7. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Chịu trách nhiệm quản lý chất lượng các công trình do mình quyết định đầu tư, các dự án đầu tư xây dựng được đầu tư bằng các nguồn vốn khác nhau kể cả nguồn vốn đóng góp, huy động của nhân dân trên địa bàn.

2. Kiểm tra, ngăn chặn kịp thời, xử lý các hành vi vi phạm quy định pháp luật và các quy định về giám sát cộng đồng theo Quyết định số 80/2005/QĐ-TTg ngày 18/4/2005 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế giám sát đầu tư của cộng đồng (gọi tắt là Quyết định số 80/2005/QĐ-TTg) và các quy định có liên quan đối với các công trình xây dựng trên địa bàn do mình quản lý.

3. Báo cáo sự cố và giải quyết sự cố theo quy định.

4. Tổng hợp báo cáo tình hình chất lượng và quản lý chất lượng công trình xây dựng thuộc thẩm quyền quản lý gửi về UBND cấp huyện để tổng hợp định kỳ hàng năm (trước ngày 15 tháng 11) và đột xuất khi có yêu cầu.

Điều 8. Trách nhiệm của chủ đầu tư xây dựng công trình

1. Chịu trách nhiệm tổ chức quản lý chất lượng công trình xây dựng từ khâu khảo sát, lập dự án, thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, thi công xây dựng, nghiệm thu, bàn giao đưa vào sử dụng, thanh quyết toán công trình, bảo hành công trình đảm bảo tuân thủ đúng quy định pháp luật và đạt hiệu quả.

2. Lựa chọn tổ chức, cá nhân đủ điều kiện năng lực theo quy định pháp luật để thực hiện các công việc trong hoạt động xây dựng. Khi lựa chọn nhà thầu, chủ đầu tư căn cứ năng lực, kinh nghiệm của các nhà thầu được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành, Bộ Xây dựng, Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về những thiệt hại do việc lựa chọn nhà thầu không đảm bảo điều kiện năng lực phù hợp với công việc, với loại, cấp công trình theo quy định.

3. Thực hiện phân công, ủy quyền trách nhiệm quản lý chất lượng công trình một cách cụ thể đối với từng dự án đầu tư xây dựng giữa chủ đầu tư với ban quản lý dự án hoặc với đơn vị tư vấn quản lý dự án theo quy định.

4. Tổ chức kiểm tra thường xuyên, đảm bảo đúng trình tự trong từng giai đoạn đầu tư xây dựng để kiểm soát chặt chẽ chất lượng công trình và giám sát đầu tư các công trình xây dựng do mình làm chủ đầu tư.

5. Có trách nhiệm thực hiện những quy định tại Điều 16 Quyết định số 80/2005/QĐ-TTg ngày 18/4/2005 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế giám sát đầu tư của cộng đồng và các quy định có liên quan.

6. Lập báo cáo tình hình chất lượng công trình theo định kỳ hàng năm (trước ngày 10 tháng 12) và đột xuất khi có yêu cầu, đồng gửi người quyết định đầu tư và Sở Xây dựng để đơn vị này tổng hợp báo cáo UBND tỉnh và Bộ Xây dựng theo quy định.

Điều 9. Giám sát cộng đồng về chất lượng công trình xây dựng

1. Giám sát cộng đồng được tổ chức thực hiện theo quy chế giám sát đầu tư của cộng đồng ban hành kèm theo Quyết định số 80/2005/QĐ-TTg trên địa bàn xã, phường, thị trấn tại nơi xây dựng công trình (trừ các dự án thuộc diện bí mật quốc gia) và các quy định có liên quan.

2. Ban giám sát đầu tư của cộng đồng được phép yêu cầu chủ đầu tư, các nhà thầu cung cấp thông tin liên quan tới dự án đầu tư xây dựng trong phạm vi, trách nhiệm giám sát của mình theo quy định pháp luật để theo dõi, giám sát nhằm kiểm soát và phát hiện các hành vi gây ảnh hưởng đến chất lượng công trình, xâm hại lợi ích của cộng đồng hoặc thất thoát vốn đầu tư xây dựng công trình.

Chương III

QUY ĐỊNH VỀ BẢO TRÌ CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG

Điều 10. Các công trình không bắt buộc phải lập quy trình bảo trì riêng

Chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng của các công trình phải thực hiện bảo trì công trình theo quy định nhưng không bắt buộc phải lập quy trình bảo trì riêng cho từng công trình, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác, bao gồm:

1. Nhà ở riêng lẻ.
2. Công trình từ cấp III trở xuống.
3. Công trình tạm là những công trình được phép xây dựng theo giấy phép xây dựng có thời hạn, công trình tạm phục vụ thi công trên công trường xây dựng và các loại công trình tạm khác theo quy định pháp luật.

Điều 11. Xử lý đối với công trình có dấu hiệu nguy hiểm, không đảm bảo an toàn cho khai thác, sử dụng

Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 44 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP được phân công có trách nhiệm xử lý và báo cáo kết quả xử lý về UBND tỉnh đối với công trình có dấu hiệu nguy hiểm, không đảm bảo an toàn cho khai thác, sử dụng đó là:

1. Sở Xây dựng và các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành đối với các công trình cấp I, cấp II trên địa bàn tỉnh.
2. Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với các công trình còn lại trên địa bàn do mình quản lý.
3. Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh đối với các công trình còn lại ngoài đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều này trên địa bàn do mình quản lý.

Điều 12. Xử lý đối với công trình hết thời hạn sử dụng có nhu cầu sử dụng tiếp

Ủy ban nhân dân tỉnh phân công các cơ quan quản lý nhà nước có trách nhiệm tham mưu UBND tỉnh xem xét và chấp thuận việc kéo dài thời hạn sử dụng đối với công trình cấp I, cấp II thuộc đối tượng quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 46/2015/NĐ-CP trên địa bàn tỉnh như sau:

1. Sở Xây dựng thực hiện đối với công trình dân dụng trừ công trình di tích lịch sử văn hóa, công trình hạ tầng kỹ thuật, công trình công nghiệp nhẹ, công trình công nghiệp vật liệu xây dựng (nhà máy sản xuất xi măng và công trình sản xuất khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường theo quy định tại Khoản 1 Điều 64 Luật Khoáng sản năm 2010), công trình giao thông trong đô thị trừ công trình đường sắt, cầu vượt sông và

đường quốc lộ.

2. Sở Giao thông Vận tải thực hiện đối với công trình giao thông trừ các công trình giao thông do Sở Xây dựng quản lý.

3. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện đối với công trình thủy lợi, đề điều và các công trình nông nghiệp chuyên ngành khác.

4. Sở Công Thương thực hiện đối với công trình công nghiệp trừ các công trình công nghiệp do Sở Xây dựng quản lý.

5. Sở Thông tin và Truyền thông thực hiện đối với công trình viễn thông.

6. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thực hiện đối với công trình di tích lịch sử văn hóa.

Điều 13. Kế hoạch và kinh phí bảo trì công trình

1. Các công trình thực hiện bảo trì từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng có trách nhiệm lập và phê duyệt kế hoạch bảo trì công trình hằng năm trên cơ sở quy trình bảo trì được duyệt và hiện trạng công trình để làm căn cứ thực hiện bảo trì công trình.

2. Chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng có trách nhiệm tổ chức lập, thẩm định và phê duyệt dự toán bảo trì theo quy định đối với các công trình sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước.

3. Đối với trường hợp sửa chữa công trình, thiết bị có chi phí dưới 500 triệu đồng

a) Sửa chữa công trình có chi phí dưới 100 triệu đồng:

Chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng thực hiện theo quy định của UBND tỉnh về lập, thẩm định, phê duyệt dự toán và quyết toán các công trình sửa chữa, cải tạo và xây dựng mới có giá trị từ 100 triệu đồng trở xuống trên địa bàn tỉnh Tây Ninh;

b) Sửa chữa công trình, thiết bị có chi phí từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng:

Chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng tự quyết định về kế hoạch sửa chữa và tổ chức lập, thẩm định dự toán chi phí theo quy định hiện hành. Hằng năm, chủ sở hữu phải lập kế hoạch sửa chữa công trình, thiết bị cùng với dự toán chi thường xuyên gửi cơ quan tài chính để bố trí kinh phí thực hiện.

4. Trường hợp sửa chữa công trình, thiết bị có chi phí thực hiện từ 500 triệu đồng trở lên thì chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng tổ chức lập, trình thẩm định và phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật hoặc dự án đầu tư xây dựng theo quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng công trình.

5. Đối với các công trình sử dụng nguồn vốn khác, khuyến khích chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng tổ chức lập, thẩm định và phê duyệt dự toán chi phí bảo trì theo quy định ở Điểm c Khoản 3 Điều 42 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP.

Điều 14. Công tác bảo trì công trình hạ tầng kỹ thuật các khu, cụm công nghiệp

Đơn vị quản lý, kinh doanh hạ tầng có trách nhiệm bảo trì công trình từ nguồn kinh phí cho thuê hạ tầng.

Điều 15. Công tác bảo trì công trình được đầu tư theo hình thức đối tác công tư

1. Doanh nghiệp đầu tư dự án (nhà đầu tư) có trách nhiệm bảo trì công trình trong thời gian quản lý, khai thác theo hợp đồng. Hết thời gian thực hiện hợp đồng, doanh nghiệp dự án chuyển giao công trình cho đơn vị quản lý, khai thác thì đơn vị này có trách nhiệm tiếp tục thực hiện bảo trì công trình.

2. Các công trình đầu tư theo hình thức hợp đồng BT (Xây dựng – Chuyển giao) thì trách nhiệm bảo trì thuộc về cơ quan quản lý, khai thác công trình.

3. Các trường hợp khác do doanh nghiệp đầu tư dự án và cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định pháp luật thỏa thuận trong hợp đồng.

**Chương IV
TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 16. Tổ chức thực hiện

1. Trong quá trình triển khai thực hiện Quy định, trường hợp cơ quan nhà nước cấp trên ban hành các văn bản có quy định khác nội dung Quy định này thì thực hiện theo văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên ban hành.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có vấn đề gì vướng mắc đề nghị các tổ chức, cá nhân có liên quan phản ánh bằng văn bản về Sở Xây dựng để được giải quyết hoặc Sở Xây dựng sẽ tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
Kí. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Mạnh Hùng